

Ngày thi: 24/11/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	142211219	NGUYỄN VĂN HÙNG	K15XDD1	0		0						HP	0.0	Không			
2	142211229	PHẠM TRỌNG KHOA	K15XDD1	6		5						V	0.0	Không			
3	142211316	LÝ HOÀNG VŨ	K15XDD1	0		0						HP	0.0	Không			
4	152212013	LÊ VĨNH LINH	K15XDD1	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một			
5	152212016	NGUYỄN DUY ĐÔ	K15XDD1	10		7						4	5.8	Năm phẩy Tám			
6	152212615	PHAN PHỤNG HOÀN	K15XDD1	6		5						V	0.0	Không			
7	152212628	NGUYỄN PHẠM TÚ SINH	K15XDD1	5		4						V	0.0	Không			
8	152212637	NGÔ DUY BÌNH	K15XDD1	8		5						2	0.0	Không			
9	152212638	TRẦN HUỖNH ĐÚNG	K15XDD1	7		5						V	0.0	Không			
10	152212639	NGÔ MINH NHÂN	K15XDD1	9		6						4	5.4	Năm phẩy Bốn			
11	152212642	TRẦN VĂN LỢI	K15XDD1	6		5						V	0.0	Không			
12	152212645	LÊ XUÂN TÂN	K15XDD1	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai			
13	152212651	LÊ KỶ TRUNG	K15XDD1	6		5						V	0.0	Không			
14	152212653	PHẠM VIỆT QUỐC	K15XDD1	6		5						V	0.0	Không			
15	152212655	HỒ HOÀNG VŨ	K15XDD1	9		8						V	0.0	Không			
16	152212657	PHẠM PHÚ CƯỜNG	K15XDD1	9		8						5	6.5	Sáu phẩy Năm			
17	152212658	LÊ ĐÌNH CHINH	K15XDD1	9		7						3	0.0	Không			
18	152212665	VÕ ĐÌNH HOÀNG	K15XDD1	5		4						V	0.0	Không			
19	152212667	PHẠM NGỌC HIẾU	K15XDD1	9		6						3	0.0	Không			
20	152212678	HOÀNG ANH HÙNG	K15XDD1	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín			
21	152212680	HỒ CHÍ BÀNG	K15XDD1	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
22	152212689	NGUYỄN GIA TUẤN	K15XDD1	4		4						V	0.0	Không			
23	152212705	TRẦN VĂN TÙNG	K15XDD1	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
24	152212707	TRẦN ĐỨC HẢI	K15XDD1	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai			
25	152212710	TRẦN CHÍ CÔNG	K15XDD1	6		6						V	0.0	Không			
26	152212714	NGUYỄN MINH NGHI	K15XDD1	9		8						4	6.0	Sáu			
27	152212724	NGUYỄN VĂN VINH	K15XDD1	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một			
28	152212727	VÕ HUỖNH KHẢI	K15XDD1	9		6						5	5.9	Năm phẩy Chín			
29	152212730	NGUYỄN VĂN TIỀN	K15XDD1	9		9						5	6.8	Sáu phẩy Tám			
30	152212734	HỒ HẢI QUYỀN	K15XDD1	9		5						5	5.6	Năm phẩy Sáu			
31	152212735	CHU QUYẾT THẮNG	K15XDD1	8		7						V	0.0	Không			
32	152212736	HỒ XUÂN PHÁP	K15XDD1	9		8						4	6.0	Sáu			
33	152212737	TRẦN TRUNG KIÊN	K15XDD1	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai			
34	152212739	LÊ XUÂN PHƯƠNG	K15XDD1	9		7						4	5.7	Năm phẩy Bảy			
35	152212745	NGUYỄN HẢI	K15XDD1	9		7						2	0.0	Không			
36	152212747	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XDD1	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một			
37	152212750	VÕ NGỌC ĐƯỜNG	K15XDD1	4		4						V	0.0	Không			
38	152212753	VÕ VĂN NGUYỄN	K15XDD1	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai			
39	152215524	TRẦN LONG GIANG	K15XDD1	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai			
40	152215958	TRẦN ĐÌNH BẢO MINH	K15XDD1	6		5						V	0.0	Không			

Ngày thi: 24/11/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
41	152216071	NGUYỄN XUÂN	LƯƠNG	K15XDD1	9		6						4	5.4	Năm phẩy Bốn		
42	152222019	ĐINH VĂN	TÀNG	K15XDD1	7		6						V	0.0	Không		
43	152222777	PHẠM TÂN	VẠN	K15XDD1	9		6						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
44	142211262	ĐỖ THÁI	SƠN	K15XDD2	0		0						HP	0.0	Không		
45	142522783	PHAN ĐÌNH	LUYẾN	K15XDD2	8		7						6.7	7.0	Bảy		
46	152212613	NGUYỄN LÊ ANH	KIỆT	K15XDD2	10		5.6						4	5.4	Năm phẩy Bốn		
47	152212620	NGUYỄN VĂN	HÒA	K15XDD2	10		6.8						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
48	152212627	NGUYỄN ĐẮC	DUY	K15XDD2	10		6						6.3	6.8	Sáu phẩy Tám		
49	152212631	HUỲNH THANH	QUỐC	K15XDD2	10		6.8						6.7	7.2	Bảy phẩy Hai		
50	152212634	NGUYỄN VĂN	TRUNG	K15XDD2	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
51	152212636	PHẠM HỒNG	THÁI	K15XDD2	6		6						1	0.0	Không		
52	152212640	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	K15XDD2	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một		
53	152212643	PHAN TUẤN	ANH	K15XDD2	10		7.2						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
54	152212652	TRẦN	HỌC	K15XDD2	0		0						V	0.0	Không		
55	152212660	NGUYỄN QUỐC	VŨ	K15XDD2	10		8.8						8	8.5	Tám phẩy Năm		
56	152212663	NGUYỄN MINH	THIỆN	K15XDD2	10		6						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
57	152212668	TRẦN VĂN	THÀNH	K15XDD2	10		6.8						6.7	7.2	Bảy phẩy Hai		
58	152212669	ĐẶNG MINH	CHUẨN	K15XDD2	10		8.8						7.9	8.5	Tám phẩy Năm		
59	152212687	HỒ ĐẠI	NHÂN	K15XDD2	10		7.2						4	5.9	Năm phẩy Chín		
60	152212688	NGUYỄN CÔNG	ĐOÀN	K15XDD2	10		5.2						4	5.3	Năm phẩy Ba		
61	152212692	PHAN QUỐC	HUY	K15XDD2	10		7.6						7.8	8.1	Tám phẩy Một		
62	152212694	LAI VĂN	ĐỨC	K15XDD2	10		6.4						6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
63	152212696	TRỊNH NGỌC	THẮNG	K15XDD2	10		7.2						6.6	7.3	Bảy phẩy Ba		
64	152212704	NGUYỄN VĂN	BÌNH	K15XDD2	10		7.6						7.6	8.0	Tám		
65	152212706	HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	K15XDD2	10		6.4						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
66	152212708	NGUYỄN DUY	TƯỜNG	K15XDD2	10		6.8						6.7	7.2	Bảy phẩy Hai		
67	152212715	VÕ TRUNG	MỸ	K15XDD2	10		6.8						6.9	7.3	Bảy phẩy Ba		
68	152212718	TRẦN NGỌC	NAM	K15XDD2	9		6						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín		
69	152212720	LÊ VĂN TÂN	HÙNG	K15XDD2	10		6.8						6.9	7.3	Bảy phẩy Ba		
70	152212722	PHẠM THANH	HẢI	K15XDD2	10		8.4						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
71	152212731	TRẦN THÀNH	KHÂM	K15XDD2	10		5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
72	152212732	ĐÀO TIẾN	THƯỜNG	K15XDD2	0		0						V	0.0	Không		
73	152212738	ĐÀO ĐỨC	MÃNH	K15XDD2	10		9.2						8.4	8.9	Tám phẩy Chín		
74	152212743	TRẦN ĐÌNH	BẢO	K15XDD2	5		5						1	0.0	Không		
75	152212744	NGUYỄN ANH	TUẤN	K15XDD2	5		5						1	0.0	Không		
76	152215526	ĐẶNG THÁI	SƠN	K15XDD2	9		7.5						7.7	7.8	Bảy phẩy Tám		
77	152215529	TÔN LONG	LINH	K15XDD2	5		5						1	0.0	Không		
78	152215827	LÊ TIẾN	LONG	K15XDD2	10		8.8						7.8	8.4	Tám phẩy Bốn		
79	152215829	TRƯƠNG XUÂN	VINH	K15XDD2	9		6						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
80	152222784	HOÀNG QUỐC	VIỆT	K15XDD2	10		7.2						6	7.0	Bảy		

Ngày thi: 24/11/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
81	152222789	NGÔ ĐỨC HIẾU	K15XDD2	10		6.8						7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu			
82	152313941	LÊ XUÂN SANG	K15XDD2	10		6.8						6.8	7.3	Bảy phẩy Ba			
83	132214516	PHẠM DƯƠNG PHI	K15XDD3	10		7.5						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba			
84	142211195	HUỖNH KHẮC DÂN	K15XDD3	9		6						5.5	6.2	Sáu phẩy Hai			
85	142211205	NGUYỄN CÔNG DŨNG	K15XDD3	10		7						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai			
86	152173070	VÕ PHI TUẤN	K15XDD3	10		6.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
87	152212014	TRƯƠNG VĂN VỊNH	K15XDD3	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín			
88	152212015	TRẦN HỒNG ANH	K15XDD3	10		7.5						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba			
89	152212616	NGUYỄN TRUNG THI	K15XDD3	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín			
90	152212617	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	K15XDD3	10		6						2	0.0	Không			
91	152212618	NGUYỄN BÁ SINH	K15XDD3	10		6						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín			
92	152212623	LÊ ĐỨC TIẾN	K15XDD3	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
93	152212630	THÁI MINH HẢI	K15XDD3	10		6						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín			
94	152212644	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	K15XDD3	10		6.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
95	152212646	HOÀNG THẾ THĂNG	K15XDD3	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
96	152212649	ĐOÀN HỒNG NAM	K15XDD3	8		6						5.5	6.0	Sáu			
97	152212662	TRẦN VĂN ĐỨC	K15XDD3	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
98	152212664	LƯƠNG TRUNG SƠN	K15XDD3	10		8						7.5	8.0	Tám			
99	152212675	TRƯƠNG THANH HUY	K15XDD3	10		7						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai			
100	152212676	LÊ MINH HẢI	K15XDD3	10		7						7	7.5	Bảy phẩy Năm			
101	152212679	LÊ PHAN THANH BÌNH	K15XDD3	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín			
102	152212682	HUỖNH VĂN THÀNH	K15XDD3	10		6.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
103	152212684	HOÀNG KIM DANH NHÂN	K15XDD3	8		6						5	5.8	Năm phẩy Tám			
104	152212686	LÊ DUY KHÁNH	K15XDD3	10		6.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
105	152212690	HỒ MINH PHƯƠNG	K15XDD3	10		6.5						2	0.0	Không			
106	152212691	NGUYỄN THANH LONG	K15XDD3	10		6						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín			
107	152212695	LÊ THIÊN VŨ	K15XDD3	9		6						6	6.5	Sáu phẩy Năm			
108	152212698	LÊ MINH TUẤN	K15XDD3	9		6						5.5	6.2	Sáu phẩy Hai			
109	152212701	HOÀNG VĂN THÔNG	K15XDD3	9		6						6	6.5	Sáu phẩy Năm			
110	152212713	NGUYỄN KHÁNH CHUNG	K15XDD3	10		6						5	6.1	Sáu phẩy Một			
111	152212719	TRẦN VĂN VÂN	K15XDD3	10		7						5	6.4	Sáu phẩy Bốn			
112	152212721	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	K15XDD3	9		6						5	5.9	Năm phẩy Chín			
113	152212740	ĐẶNG TUẤN ANH	K15XDD3	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín			
114	152212741	HUỖNH MINH LÂM	K15XDD3	10		6.5						5	6.2	Sáu phẩy Hai			
115	152212746	NGUYỄN THANH TUẤN	K15XDD3	10		6.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám			
116	152212751	LÊ KHẮC DŨƠNG	K15XDD3	10		6.5						5.5	6.5	Sáu phẩy Năm			
117	152215525	NGUYỄN CƯỜNG	K15XDD3	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín			
118	152215832	HOÀNG LÊ MINH	K15XDD3	8		6						2	0.0	Không			
119	152216157	NGUYỄN ĐÌNH TẤN	K15XDD3	10		6						5	6.1	Sáu phẩy Một			
120	152216196	NGUYỄN THỊ THUỶ PHƯƠNG	K15XDD3	9		6.5						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			

Ngày thi: 24/11/2013				LẦN THI										1		
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		
121	152216199	TRẦN HỮU HÙNG	K15XDD3	10		6.5						5	6.2	Sáu phẩy Hai		
122	152216454	VÕ ANH QUỐC	K15XDD3	10		6.5						5	6.2	Sáu phẩy Hai		
123	152313999	PHẠM HỮU MẠNH	K15XDD3	8		6						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
124	111140305	ĐẶNG XUÂN THÁI	K15XDD3	0		0						HP	0.0	Không		
125	2427	VÕ KHẮC CHÂU	D16XDDB	7		6						V	0.0	Không	50011	
126	4433	LÊ DUY DŨNG	K13XDD	2		2						V	0.0	Không	47681	
127	1292	NGUYỄN VĂN TOÀN	K14XDD	4		4						V	0.0	Không	41741	
128	2143	NGUYỄN THÁI DŨNG	K14XDD	2		2						V	0.0	Không	49047	
129	1212	LÊ TRUNG HIẾU	K14XDD	2		2						V	0.0	Không	35050	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	92	71%	
2	Số sinh viên nợ	37	29%	
TỔNG CỘNG :		129	100%	

LẬP BẢNG

Phan Thanh Tâm

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

Trương Văn Tâm

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Ân